

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN LIÊN CHIỀU - TP ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/5/2022

Về việc: “Ly hôn, nuôi con chung  
và giải quyết nợ chung”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Xuân Hương**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Công Chi**

Ông **Ngô Văn Sỹ**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Khuất Duy Toàn** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông **Võ Phước Khánh Toàn** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 288/2021/TLST-HNGĐ ngày 02/11/2021, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, giải quyết nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022, Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 288/TB-TA ngày 23 tháng 3 năm 2022, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 288/TB-TA ngày 04 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Kim Thị T**, sinh năm 1979; Địa chỉ: Đường X, tổ 31, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng - Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kiều D**, sinh năm 1992 - Luật sư Văn phòng luật sư V thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đà Nẵng; Địa chỉ: Số 31 T1, phường H1, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng - Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông **Hồ Quảng L**, sinh năm 1977; Địa chỉ: Đường X, tổ 31, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng - Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ **Ngân hàng c**; Địa chỉ: Số 169 phố L1, phường H2, quận H3, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Oanh Vũ** - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng c quận Liên Chiểu - Chi nhánh Ngân hàng c thành phố Đà Nẵng - Ngân hàng c (*Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng c*).

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Trần Oanh V: Bà **Võ Thị T2** - Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng c quận Liên Chiểu - Chi nhánh Ngân

hàng c thành phố Đà Nẵng - Ngân hàng c (*Văn bản ủy quyền số 05/UQ-NHCSXH ngày 18/02/2022 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng c quận Liên Chiểu - Chi nhánh Ngân hàng c thành phố Đà Nẵng - Ngân hàng c*) - Bà Võ Thị T2 vắng mặt có lý do (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bà **Ngô Thị Thu H4**, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ 18, xã B, huyện T3, tỉnh Quảng Nam - Vắng mặt có lý do (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 644 N, tổ 31, phường H6, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng - Vắng mặt có lý do (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bà **Nguyễn Thị Thu H5**, sinh năm 1981; Địa chỉ: K925/ N, tổ 31, phường H6, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng - Vắng mặt có lý do (có đơn xin xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bà Kim Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Hồ Quảng L xây dựng gia đình, đăng ký kết hôn năm 1997 tại Ủy ban nhân dân xã Điện Tiên, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không hợp, ông L nhiều lần đánh đập tôi, đuổi tôi ra khỏi nhà, xúc phạm tôi, vợ chồng không còn quan tâm nhau nữa, vợ chồng tôi đã sống ly thân cách đây 01 năm. Vào ngày 16/6/2021, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu có thụ lý việc yêu cầu giải quyết thuận tình ly hôn của tôi và Hồ Quảng L nhưng sau đó chúng tôi rút đơn nên Tòa án đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết việc dân sự số 82/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06/8/2021. Nay tôi xác định không còn tình cảm với chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với Hồ Quảng L.

- Về quan hệ con chung: Tôi và ông Hồ Quảng L có 03 con chung: Hồ Thị Kim N - sinh ngày 11/7/1998, Hồ Quảng L1 - sinh ngày 09/5/2002 và Hồ Thị Kim N1 - sinh ngày 01/01/2004. Tại đơn khởi kiện tôi xin trực tiếp nuôi con chung Hồ Thị Kim N1, không yêu cầu ông Hồ Quảng L cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên nay con Hồ Thị Kim N1 đã trên 18 tuổi và cả 03 con chung có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên tôi không yêu cầu gì về việc nuôi con.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng tôi có nợ của những cá nhân, tổ chức sau đây:

Nợ bà Ngô Thị Thu H4 số tiền 70.000.000 đồng.

Nợ bà Nguyễn Thị P số tiền 130.000.000 đồng.

Nợ bà Nguyễn Thị Thu H5 số tiền 97.000.000 đồng.

Nợ Phòng giao dịch Ngân hàng c quận Liên Chiểu - Chi nhánh Ngân hàng c thành phố Đà Nẵng - Ngân hàng c số tiền 113.136.273 đồng. Trong đó: Nợ gốc quá hạn 62.800.000 đồng, nợ lãi quá hạn 637.397 đồng (tổng cộng nợ quá hạn phải trả là 63.437.397 đồng), nợ gốc chưa đến hạn là 44.700.000 đồng, nợ lãi chưa đến hạn là 4.998.876 đồng (tổng cộng nợ gốc và lãi chưa đến hạn là 49.698.876 đồng).

Tổng cộng vợ chồng tôi có số nợ 410.136.273 đồng (trong đó khoản nợ quá hạn trả nợ là 360.437.397 đồng, khoản nợ Phòng giao dịch Ngân hàng c quận Liên Chiểu - Chi nhánh Ngân hàng c thành phố Đà Nẵng - Ngân hàng c chưa đến hạn là 49.698.876 đồng). Tôi đề nghị Toà án giải quyết chia đôi tổng số nợ này, tôi và ông L mỗi người có trách nhiệm trả 50% số nợ trên.

\* Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn, Luật sư Nguyễn Thị Kiều D thống nhất với lời trình bày của bà Kim Thị T.

\* Quá trình tham gia tố tụng, ông Hồ Quảng L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Kim Thị T xây dựng gia đình, đăng ký kết hôn năm 1997 tại Ủy ban nhân dân xã Điện Tiến, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ có mâu thuẫn vặt vãnh, nguyên nhân do bà T không chu toàn việc nhà, tôi có nhắc nhở nhưng bà T không chịu nghe mà còn cãi lại tôi. Nay bà T xin ly hôn thì tôi không đồng ý ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Tôi và bà Kim Thị T có 03 con chung: Hồ Thị Kim N - sinh ngày 11/7/1998, Hồ Quảng L1 - sinh ngày 09/5/2002 và Hồ Thị Kim N1 - sinh ngày 01/01/2004. Các con đều đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

Nếu ly hôn, tôi xin trực tiếp nuôi con chung Hồ Thị Kim N1, không yêu cầu bà Kim Thị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Riêng 02 con chung Hồ Thị Kim N và Hồ Quảng L1 đã thành niên nên không yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tôi có một ngôi nhà cấp 4, thửa đất số 206, tờ bản đồ 192 tại địa chỉ tại đường X, tổ 31 phường H6, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng có giá trị ước tính là 790 triệu đồng. Ly hôn, tôi yêu cầu Toà án giải quyết chia đôi theo hiện vật ngôi nhà và đất trên, mỗi người nhận một nửa. Nhà và đất trên đã có giấy Chứng nhận quyền sử dụng số CR843447 do Ủy ban nhân dân quận Liên Chiểu cấp ngày 04/11/2019, tôi sẽ cung cấp cho Toà án bản sao giấy chứng nhận sau. Ngoài ra, vợ chồng tôi không có tài sản chung nào khác.

- Về nợ chung: Vợ chồng tôi có nợ của những người sau đây:

Nợ bà Ngô Thị Thu H4 số tiền 70.000.000 đồng.

Nợ bà Nguyễn Thị P số tiền 130.000.000 đồng.

Nợ bà Nguyễn Thị Thu H5 số tiền 97.000.000 đồng.

Nợ Phòng giao dịch Ngân hàng c quận Liên Chiểu - Chi nhánh Ngân hàng c thành phố Đà Nẵng - Ngân hàng c số tiền 110.000.000 đồng.

Tổng cộng vợ chồng tôi có số nợ 407.000.000 đồng. Tôi đề nghị Toà án giải quyết chia đôi tổng số nợ này, tôi và bà T mỗi người có trách nhiệm trả 50% số nợ trên.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Ngô Thị Thu H4, bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị Thu H5 trình bày:

Bà Kim Thị T và ông Hồ Quảng L nợ như sau:

Nợ bà Ngô Thị Thu H4 số tiền 70.000.000 đồng.

Nợ bà Nguyễn Thị P số tiền 130.000.000 đồng.

Nợ bà Nguyễn Thị Thu H5 số tiền 97.000.000 đồng.

Bà Ngô Thị Thu H4, bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị Thu H5 không có yêu cầu độc lập. Nay các bà yêu cầu bà T và ông L trả dứt điểm một lần các khoản nợ nêu trên, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng c trình bày:

Hộ gia đình ông Hồ Quảng L và bà Kim Thị T, mà đại diện là ông Hồ Quảng L đứng tên vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng c quận Liên Chiểu - Chi nhánh Ngân hàng c thành phố Đà Nẵng - Ngân hàng c các khế ước sau:

1. Khế ước số 6600000711176987 ngày 21/09/2017: Số tiền vay: 45.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: Cho sinh viên Hồ Thị Kim N (là con chung của bà Kim Thị T và ông Hồ Quảng L) chi phí học tập trường Đại học Duy Tân Đà Nẵng, khóa học (2016-2020), sinh viên đã ra trường kết thúc thời gian nhận nợ. Lãi trả hàng tháng gốc trả theo phân kỳ 6 tháng 1 lần số tiền 6.400.000/kỳ. Kỳ trả nợ đầu tiên 18/6/2021. Hạn trả cuối cùng vào ngày 18/4/2024.

Đến ngày 18/5/2022, Hộ gia đình đã vi phạm chậm trả số tiền:

- Gốc (phải trả theo phân kỳ): 12.800.000 đồng.

- Lãi: 244.110 đồng.

2. Khế ước số 6600000717086146 ngày 18/02/2020: Số tiền vay 50.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: Tổ chức sản xuất kinh doanh tại hộ gia đình (kinh doanh gia cầm). Lãi trả hàng tháng, gốc trả theo phân kỳ: 12 tháng/ 01 lần số tiền 10.000.000 đồng/ 01 kỳ. Kỳ trả đầu tiên là ngày 18/02/2021. Hạn trả cuối cùng vào ngày 18/02/2025.

Đến ngày 18/5/2022, dự án kinh doanh đã không còn thực hiện tại địa phương, Hộ gia đình đã vi phạm chậm trả số tiền:

- Gốc: 50.000.000 đồng.

- Lãi: 325.479 đồng.

3. Khế ước số 6600000719828794 ngày 18/3/2021: Số tiền vay 12.500.000 đồng. Mục đích vay vốn: Cho sinh viên Hồ Quảng L1 (là con chung của bà Kim Thị T và ông Hồ Quảng L) chi phí học tập trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng, khóa học (2020-2024), sinh viên đang học, hộ đang trong quá trình nhận nợ. Lãi trả hàng tháng gốc trả theo phân kỳ 06 tháng 01 lần số tiền 7.500.000 đồng/ 01 kỳ. Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 18/6/2025, hạn trả cuối cùng vào ngày 18/11/2025.

Đến ngày 18/5/2022: Hộ gia đình đã vi phạm chậm trả số tiền:

- Gốc (phải trả theo phân kỳ): 0 đồng.

- Lãi: 67.808 đồng.

(\*) Nay Ngân hàng c yêu cầu Tòa án giải quyết buộc hộ gia đình bà Kim Thị T và ông Hồ Quảng L có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng c theo quy định. Cụ thể:

1. Trả gốc: 62.800.000 đồng (Sáu mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng) các Khế ước:

+ Khế ước số 6600000711176987 ngày 21/09/2017: Số tiền 12.800.000 đồng.

+ Khế ước số 6600000717086146 ngày 18/02/2020: Số tiền 50.000.000 đồng.

2. Trả lãi tồn: 637.397 (Sáu trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng) của cả 3 khế ước :

- + Khế ước số 6600000711176987 ngày 21/9/2017: Số tiền 325.479 đồng.
- + Khế ước số 6600000717086146 ngày 18/02/2020: Số tiền 244.110 đồng.
- + Khế ước số 6600000719828794 ngày 18/3/2021: Số tiền 67.808 đồng.

3. Thực hiện nghĩa vụ trả (trả dần theo khế ước đối với khoản nợ chưa đến hạn) nợ gốc và lãi 02 khế ước đang còn thực hiện: Khế ước số 6600000711176987 ngày 21/09/2017 và Khế ước số 6600000719828794 ngày 18/3/2021, chi tiết :

- Khế ước số 6600000711176987 ngày 21/09/2017: Nợ gốc 32.200.000 đồng, nợ lãi 2.170.703 đồng, tổng 34.370.703 đồng.

- Khế ước số 6600000719828794 ngày 18/3/2021: Nợ gốc 12.500.000 đồng, nợ lãi 2.828.173 đồng, tổng 15.328.173 đồng.

Tổng nợ gốc chưa đến hạn của Khế ước số 6600000711176987 ngày 21/09/2017 và Khế ước số 6600000719828794 ngày 18/3/2021 là 44.700.000 đồng.

Tổng nợ lãi chưa đến hạn của Khế ước số 6600000711176987 ngày 21/09/2017 và Khế ước số 6600000719828794 ngày 18/3/2021 là 4.998.876 đồng.

\* Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn, Luật sư Nguyễn Thị Kiều D đề nghị:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với nợ chung của nguyên đơn và bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn và bị đơn mỗi người có trách nhiệm trả 50% số nợ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

\* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, đồng thời chia nợ chung Bà Kim Thị T và ông Hồ Quảng L mỗi người phải trả 50% nợ chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung và giải quyết nợ chung giữa nguyên đơn với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28,

điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

Bị đơn được Tòa án triệu tập nhiều lần đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng vắng mặt tại phiên tòa thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

Tất cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

**[2] Về nội dung tranh chấp:** Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn thì thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị T và ông Hồ Quảng L đăng ký kết hôn ngày 03/12/1997 tại Ủy ban nhân dân xã Điện Tiến, huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn), tỉnh Quảng Nam, hôn nhân tự nguyện (Giấy chứng nhận kết hôn số 31/1997, quyển số 01/1997), hôn nhân tự nguyện. Qua xác minh thì trong quá trình chung sống, bà Kim Thị T và ông Hồ Quảng L phát sinh nhiều mâu thuẫn, xảy ra cãi vã, dẫn đến xô xát nhiều lần phải báo chính quyền địa phương can thiệp. Mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Kim Thị T, ông Hồ Quảng L đã được các bên đương sự gửi đơn yêu cầu giải quyết việc thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu vào năm 2021 nhưng sau đó rút đơn nên Tòa án đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết việc dân sự số 82/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06/8/2021. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Kim Thị T và ông Hồ Quảng L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Kim Thị T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà Kim Thị T và ông Hồ Quảng L có 03 con chung: Hồ Thị Kim N - sinh ngày 11/7/1998, Hồ Quảng L1 - sinh ngày 09/5/2002 và Hồ Thị Kim N1 - sinh ngày 01/01/2004. Hiện nay cả 03 con chung của bà T và ông L đã trên 18 tuổi và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Bà Kim Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 10/12/2021 ông Hồ Quảng L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung là nhà và đất tại thửa đất số 206, tờ bản đồ 192 tọa lạc tại tổ 31 phường H6, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Ngày 10/12/2021, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí tranh chấp dân sự cho ông Hồ Quảng L nhưng ông Hồ Quảng L không nộp nên

ngày 20/12/2021 Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu có Công văn số 495/CV-TA trả lời ông Hồ Quảng L về việc không thụ lý yêu cầu chia tài sản chung của ông Hồ Quảng L do không nộp tiền tạm ứng án phí dân sự về việc chia tài sản chung.

Từ những lẽ trên, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung của bà Kim Thị T và ông Hồ Quảng L. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ việc dân sự khác.

Về nợ chung: Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện hiện nay bà Kim Thị T và ông Hồ Quảng L có nợ chung như sau:

Nợ bà Ngô Thị Thu H4 số tiền 70.000.000 đồng.

Nợ bà Nguyễn Thị P số tiền 130.000.000 đồng.

Nợ bà Nguyễn Thị Thu H5 số tiền 97.000.000 đồng.

Nợ Phòng giao dịch Ngân hàng c quận Liên Chiểu - Chi nhánh Ngân hàng c thành phố Đà Nẵng - Ngân hàng c số tiền 113.136.273 đồng. Trong đó: Nợ gốc quá hạn 62.800.000 đồng, nợ lãi quá hạn 637.397 đồng (tổng cộng nợ quá hạn phải trả là 63.437.397 đồng), nợ gốc chưa đến hạn là 44.700.000 đồng, nợ lãi chưa đến hạn là 4.998.876 đồng (tổng cộng nợ gốc và lãi chưa đến hạn là 49.698.876 đồng).

Tổng cộng ông Hồ Quảng L và bà Kim Thị T nợ bà Ngô Thị Thu H4, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Thu H5 và Ngân hàng c là 410.136.273 đồng (trong đó khoản nợ quá hạn trả nợ là 360.437.397 đồng, khoản nợ Ngân hàng c chưa đến hạn là 49.698.876 đồng).

Xét thấy việc bà Kim Thị T và ông Hồ Quảng L nợ chung là có thật và các đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung. Do đó, có căn cứ buộc bà Kim Thị T và ông Hồ Quảng L mỗi người trả 50% số nợ của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên, cụ thể :

- Đối với các khoản nợ phải trả dứt điểm một lần: Bà Kim Thị T và ông Hồ Quảng L mỗi người phải trả dứt điểm một lần như sau:

+ Phải trả bà Ngô Thị Thu H4 số tiền:  $(70.000.000 \text{ đồng} : 2) = 35.000.000$  đồng.

+ Phải trả bà Nguyễn Thị P số tiền:  $(130.000.000 \text{ đồng} : 2) = 65.000.000$  đồng.

+ Phải trả bà Nguyễn Thị Thu H5 số tiền:  $(97.000.000 \text{ đồng} : 2) = 48.500.000$  đồng.

- Về khoản nợ Ngân hàng c:

Riêng Khế ước số 6600000717086146 ngày 18/02/2020 (Số tiền vay 50.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: Tổ chức sản xuất kinh doanh tại hộ gia đình - kinh doanh gia cầm) nhưng đến ngày 18/5/2022, dự án kinh doanh đã không còn thực hiện tại địa phương, Hộ gia đình bà Kim Thị T, ông Hồ Quảng L đã vi phạm chậm trả số tiền gốc 50.000.000 đồng và lãi 325.479 đồng. Tại phiên tòa, bà Kim Thị T xác nhận hiện nay Hộ gia đình bà không còn kinh doanh gia cầm nữa và yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết chuyển khoản nợ Khế ước số 6600000717086146 ngày 18/02/2020 sang nợ quá hạn, buộc bà và ông Hồ Quảng L mỗi người trả dứt điểm 50% khoản nợ này. Theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số

78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác thì: *“Trường hợp Người vay sử dụng vốn vay sai mục đích, Người vay có khả năng trả khoản nợ đến hạn nhưng không trả thì chuyển nợ quá hạn. Tổ chức cho vay kết hợp với chính quyền sở tại, các tổ chức chính trị - xã hội có biện pháp thu hồi nợ”* và khoản 3 Điều 6 Quyết định 976/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế phân loại nợ tại Ngân hàng c thì: *“Nợ quá hạn là các khoản nợ đã quá hạn trả nợ theo quy định bao gồm: Các khoản nợ đến hạn trả nợ nhưng không đủ điều kiện gia hạn nợ đã chuyển sang nợ quá hạn; các khoản nợ chưa đến kỳ hạn trả nợ nhưng người vay sử dụng vốn vay sai mục đích đã chuyển sang nợ quá hạn”*. Do bà Kim Thị T và ông Hồ Quảng L sử dụng vốn sai mục đích, vi phạm trả nợ gốc và lãi của Khế ước số 6600000717086146 ngày 18/02/2020 nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 17 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và khoản 3 Điều 6 Quyết định 976/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế phân loại nợ tại Ngân hàng c để buộc bà T và ông L trả dứt điểm khoản nợ này.

Hội đồng xét xử phân ra 02 loại nợ Ngân hàng c (nợ quá hạn phải trả một lần và nợ chưa đến hạn phải trả dần theo khế ước), chia phần nợ cụ thể bà Kim Thị T và ông Hồ Quảng L mỗi người phải trả cụ thể như sau:

+ Phải trả dứt điểm một lần Ngân hàng c số tiền:  $(63.437.397 \text{ đồng} : 2) = 31.718.698 \text{ đồng}$ . Trong đó mỗi người phải trả: Tiền gốc  $(62.800.000 \text{ đồng} : 2) = 31.400.000 \text{ đồng}$ ; tiền lãi quá hạn  $(637.397 \text{ đồng} : 2) = 318.698 \text{ đồng}$ .

Tổng cộng chia phần bà Kim Thị T và ông Hồ Quảng L mỗi người phải trả dứt điểm một lần số nợ là:  $35.000.000 \text{ đồng} + 65.000.000 \text{ đồng} + 48.500.000 \text{ đồng} + 31.718.698 \text{ đồng} = 180.218.698 \text{ đồng}$ .

+ Đối với khoản nợ chưa đến hạn:

Hội đồng xét xử xét thấy đối với khoản nợ gốc chưa đến hạn là 44.700.000 đồng (trong đó nợ gốc của Khế ước số 6600000711176987 ngày 21/9/2017 là 32.200.000 đồng, nợ gốc của Khế ước số 6600000719828794 ngày 18/3/2021 là 12.500.000 đồng), nợ lãi chưa đến hạn là 4.998.876 đồng (trong đó nợ lãi của Khế ước số 6600000711176987 ngày 21/9/2017 là 2.170.703 đồng, nợ lãi của Khế ước số 6600000719828794 ngày 18/3/2021 là 2.828.173 đồng). Tổng cộng nợ gốc và lãi chưa đến hạn của 02 khế ước nêu trên là 49.698.876 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ Điều 5 Quyết định 976/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế phân loại nợ tại Ngân hàng c (*“Đối với những khoản nợ phải chuyển nợ quá hạn một phần theo phân kỳ trả nợ thì chỉ phần dư nợ bị chuyển nợ quá hạn được tính là nợ quá hạn, phần dư nợ còn lại vẫn được tính là nợ trong hạn”*) thì không thể tuyên buộc bà T và ông L trả khoản nợ chưa đến hạn trong bản án này do chưa vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó khi nào đến hạn trả các khoản nợ này thì bà T và ông L phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi hàng tháng theo Khế ước số 6600000711176987 ngày 21/9/2017 và Khế ước số 6600000719828794 ngày 18/3/2021 giữa bà Kim Thị T, ông Hồ Quảng L với Ngân hàng c.

[3] **Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Kim Thị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Kim Thị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000061 ngày 02 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Kim Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Bà Kim Thị T và ông Hồ Quảng L mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản chia nợ chung là: 180.218.698 đồng x 5% = 9.010.934 đồng (Chín triệu không trăm linh mười nghìn chín trăm ba mươi tư đồng).

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: - Các Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân, gia đình năm 2014;

- Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Điều 5, khoản 3 Điều 6, Điều 7 Quyết định 976/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế phân loại nợ tại Ngân hàng c;

- Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, nuôi con chung và giải quyết nợ chung” của bà Kim Thị T đối với ông Hồ Quảng L.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Kim Thị T được ly hôn ông Hồ Quảng L.

2. Về quan hệ con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung:

4.1. Buộc bà Kim Thị T phải trả nợ dứt điểm một lần cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền 180.218.698 đồng (Một trăm tám mươi triệu hai trăm mười tám nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng), cụ thể như sau:

4.1.1. Buộc bà Kim Thị T phải trả bà Ngô Thị Thu H4 dứt điểm một lần số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng chẵn).

4.1.2. Buộc bà Kim Thị T phải trả bà Nguyễn Thị P dứt điểm một lần số tiền 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng chẵn).

4.1.3. Buộc bà Kim Thị T phải trả bà Nguyễn Thị Thu H5 dứt điểm một lần số tiền 48.500.000 đồng (Bốn mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

4.1.4. Buộc bà Kim Thị T phải trả Phòng giao dịch Ngân hàng c quận Liên Chiểu - Chi nhánh Ngân hàng c thành phố Đà Nẵng - Ngân hàng c dứt điểm một lần số tiền 31.718.698 đồng (Ba mươi một triệu bảy trăm mười tám nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng). Trong đó:

Buộc bà Kim Thị T phải trả tiền gốc của Khế ước số 6600000711176987 ngày 21/9/2017 giữa Phòng giao dịch Ngân hàng c quận Liên Chiểu - Chi nhánh Ngân hàng c thành phố Đà Nẵng - Ngân hàng c với bà Kim Thị T, ông Hồ Quảng L là 6.400.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng); tiền gốc của Khế ước số 6600000717086146 ngày 18/02/2020 giữa Phòng giao dịch Ngân hàng c quận Liên Chiểu - Chi nhánh Ngân hàng c thành phố Đà Nẵng - Ngân hàng c với bà Kim Thị T, ông Hồ Quảng L là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), tổng tiền gốc bà Kim Thị T phải trả là 31.400.000 đồng (Ba mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Buộc bà Kim Thị T phải trả tiền lãi quá hạn của Khế ước số 6600000711176987 ngày 21/09/2017 giữa Phòng giao dịch Ngân hàng c quận Liên Chiểu - Chi nhánh Ngân hàng c thành phố Đà Nẵng - Ngân hàng c với bà Kim Thị T, ông Hồ Quảng L là 162.739 đồng (Một trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng);

Buộc bà Kim Thị T phải trả tiền lãi quá hạn của Khế ước số 6600000717086146 ngày 18/02/2020 giữa Phòng giao dịch Ngân hàng c quận Liên Chiểu - Chi nhánh Ngân hàng c thành phố Đà Nẵng - Ngân hàng c với bà Kim Thị T, ông Hồ Quảng L là 122.055 đồng (Một trăm hai mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm đồng);

Buộc bà Kim Thị T phải trả tiền lãi quá hạn của Khế ước số 6600000719828794 ngày 18/3/2021 giữa Phòng giao dịch Ngân hàng c quận Liên Chiểu - Chi nhánh Ngân hàng c thành phố Đà Nẵng - Ngân hàng c với bà Kim Thị T, ông Hồ Quảng L là 33.904 đồng (Ba mươi ba nghìn chín trăm linh bốn đồng).

Tổng tiền lãi bà Kim Thị T phải trả Phòng giao dịch Ngân hàng c quận Liên Chiểu - Chi nhánh Ngân hàng c thành phố Đà Nẵng - Ngân hàng c là 318.698 đồng (Ba trăm mười tám nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng);

Buộc bà Kim Thị T trả dần tiền gốc cộng tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/5/2022 đến khi thanh toán xong nợ đối với Khế ước số 6600000711176987 ngày 21/09/2017 và Khế ước số 6600000719828794 ngày 18/3/2021 giữa Phòng giao dịch Ngân hàng c quận Liên Chiểu - Chi nhánh Ngân hàng c thành phố Đà Nẵng - Ngân hàng c với bà Kim Thị T, ông Hồ Quảng L.

4.2. Buộc ông Hồ Quảng L phải trả nợ dứt điểm một lần cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền 180.218.698 đồng (Một trăm tám mươi triệu hai trăm mười tám nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng), cụ thể như sau:

4.2.1. Buộc ông Hồ Quảng L phải trả bà Ngô Thị Thu H4 dứt điểm một lần số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng chẵn).

4.2.2. Buộc ông Hồ Quảng L phải trả bà Nguyễn Thị P dứt điểm một lần số tiền 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng chẵn).

4.2.3. Buộc ông Hồ Quảng L phải trả bà Nguyễn Thị Thu H5 dứt điểm một lần số tiền 48.500.000 đồng (Bốn mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

4.2.4. Buộc ông Hồ Quảng L phải trả Phòng giao dịch Ngân hàng c quận Liên Chiểu - Chi nhánh Ngân hàng c thành phố Đà Nẵng - Ngân hàng c dứt điểm một lần số tiền 31.718.698 đồng (Ba mươi một triệu bảy trăm mười tám nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng). Trong đó:

Buộc ông Hồ Quảng L phải trả tiền gốc của Khế ước số 6600000711176987 ngày 21/9/2017 giữa Phòng giao dịch Ngân hàng c quận Liên Chiểu - Chi nhánh Ngân hàng c thành phố Đà Nẵng - Ngân hàng c với bà Kim Thị T, ông Hồ Quảng L là 6.400.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng); tiền gốc của Khế ước số 6600000717086146 ngày 18/02/2020 giữa Phòng giao dịch Ngân hàng c quận Liên Chiểu - Chi nhánh Ngân hàng c thành phố Đà Nẵng - Ngân hàng c với bà Kim Thị T, ông Hồ Quảng L là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), tổng tiền gốc ông Hồ Quảng L phải trả là 31.400.000 đồng (Ba mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Buộc ông Hồ Quảng L phải trả tiền lãi quá hạn của Khế ước số 6600000711176987 ngày 21/09/2017 giữa Phòng giao dịch Ngân hàng c quận Liên Chiểu - Chi nhánh Ngân hàng c thành phố Đà Nẵng - Ngân hàng c với bà Kim Thị T, ông Hồ Quảng L là 162.739 đồng (Một trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng);

Buộc ông Hồ Quảng L phải trả tiền lãi quá hạn của Khế ước số 6600000717086146 ngày 18/02/2020 giữa Phòng giao dịch Ngân hàng c quận Liên Chiểu - Chi nhánh Ngân hàng c thành phố Đà Nẵng - Ngân hàng c với bà Kim Thị T, ông Hồ Quảng L là 122.055 đồng (Một trăm hai mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm đồng);

Buộc ông Hồ Quảng L phải trả tiền lãi quá hạn của Khế ước số 6600000719828794 ngày 18/3/2021 giữa Phòng giao dịch Ngân hàng c quận Liên Chiểu - Chi nhánh Ngân hàng c thành phố Đà Nẵng - Ngân hàng c với bà Kim Thị T, ông Hồ Quảng L là 33.904 đồng (Ba mươi ba nghìn chín trăm linh bốn đồng).

Tổng tiền lãi ông Hồ Quảng L phải trả Phòng giao dịch Ngân hàng c quận Liên Chiểu - Chi nhánh Ngân hàng c thành phố Đà Nẵng - Ngân hàng c là 318.698 đồng (Ba trăm mười tám nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng);

Buộc ông Hồ Quảng L trả dần tiền gốc cộng tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/5/2022 đến khi thanh toán xong nợ đối với Khế ước số 6600000711176987 ngày 21/09/2017 và Khế ước số 6600000719828794 ngày 18/3/2021 giữa Phòng giao dịch Ngân hàng c quận Liên Chiểu - Chi nhánh Ngân hàng c thành phố Đà Nẵng - Ngân hàng c với bà Kim Thị T, ông Hồ Quảng L.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Kim Thị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Kim Thị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000061 ngày 02 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Kim Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Buộc bà Kim Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản chia nợ chung là 9.010.934 đồng (Chín triệu không trăm linh mười nghìn chín trăm ba mươi tư đồng).

5.2. Buộc ông Hồ Quảng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản chia nợ chung là 9.010.934 đồng (Chín triệu không trăm linh mười nghìn chín trăm ba mươi tư đồng).

6. Quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Q. Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q. Liên Chiểu;
- UBND xã Điện Tiến, TX Điện Bàn, Quảng Nam  
(Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 03/12/1997);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Xuân Hương**

